

TRITANI

TẠP CHÍ



TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 197

Góp ý kiến sửa đổi tên các phố
trống tỉnh Hà-nội Ng. Tường-Phượng
Hy Lung Nhạc-Tổng — Khải-Minh
Giấy bạc và Chính phủ Ngô-Công
Định thực ca (V) Nguyễn-văn-Tố
Văn trào lộng... Phạm-mạnh-Phan
Việt nam văn học sử (LXVII) Ứng-hoà
Tiếp quản dền tại tỉnh Bình-định Ng. Toại
Một đoạn chuyện về mấy yêu
nhân V.N.Q.D.Đ. (tốt) Ngô-văn-Triệu.

GIẤ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chamberline — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vân-Thành 51, phố Cầu-ắt — Hải-phòng
Vũ-hoà - Cầu 40, phố Đông-kết — Hải-dương

TRI-TÂN

LỜI CẢM ƠN CỦA ÔNG TRẦN VĂN LAI, THỊ TRƯỞNG THÀNH PHỐ HÀ - NỘI

Nhân việc tôi có lời thành thực cảm ơn bà con các giới đã tỏ ý muốn tổ chức một cuộc đón tiếp xứng đáng, nhưng hiện thời trong nước còn nhiều việc khó khăn nên tôi có yêu cầu bà con hãy hoãn việc ấy và quấy quần làm việc đường chia động phải để chẵn bao lâu Hà-nội yêu quý của chúng ta sẽ to, đẹp, mạnh, giàu như kinh đô các đại cường quốc.

Chúng ta nên liệt trừ những sự đau cơ trộm cắp, hành khất hối lộ, xú nịnh và hủy bỏ những di tích xấu xa mà trong quá nửa thế kỷ nay chúng ta đã phải yếm tể. Chúng ta phải sát cánh làm việc cho xứng đáng là dân Việt Nam, không hổ với tổ - tiên trong những thời oanh liệt mà cũng chẳng để di hận cho con cháu về sau

GIỚI THIỆU

Tri Tân nhận được:

— TIẾNG CHUÔNG CẢNH TỈNH của T. q. Haylen
thơ giá 6\$50. Thời đại xuất bản

— THANH NIÊN VỚI QUỐC VÃY của Xuân Diệu
giá 3\$00. Thời đại xuất bản

— LỜI TRONG MÁU của Lê văn Trương giá 5\$00
Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với
các bạn. T T

BẮ CÁO CẦN KÍP

Các bạn đọc đã nhận được giấy nhắc tiền báo, xin mua ngay phiếu gửi về tòa báo ngay cho. Cảm tạ.

Ty trị-sự TRI-TÂN

Bác sĩ Vũ ngọc Anh Bộ trưởng bộ y tế và Cứu Tế hiện đang công cán ở Bắc bộ bị nạn máy bay đã tạ thế ngày 23 tháng bảy dương lịch.

Trong dịp buồn này, bản chí xin có lời kính viếng ông Bộ trưởng Vũ ngọc Anh và chia buồn cùng nội các Trần Trọng Kim

TRONG TỈNH HÀ-NỘI

Kể từ 13 giờ 30 phút trưa ngày 20 tháng bảy dương lịch, tức là 12 tháng sáu năm Ất-dậu thành phố Hà-nội xưa kia là nhượng địa theo hiệp ước 1888 được hoàn-toàn thu hồi về đất nước Việt-nam ông Trần-văn-Lai đã khâm chức thị trưởng

Đứng trước ngày lịch sử đáng ghi nhớ của đất này, chúng tôi phôi biếu chút ý kiến dưới đây về công việc đặt lại tên các phố.

N. T. P.

HÀ-NỘI, cổ đô Thăng Long của các đời Lý, Trần, Lê là một tỉnh thành có rất nhiều di tích về dĩ vãng liên lạc mật thiết đến lịch sử Việt Nam.

Trong bài chiếu thiên đô niên hiệu Thuận thiên nguyên niên (1010), vua Lý thái Tổ người đã chọn nơi này để định đô có đoạn nói :

« Phương chí thành Đại la là cổ đô của Cao Vương ở vào giữa khu vực của trời đất, có thể hỗ cự long bàn, chình ngôi đông tây nam bắc, tiện thể hướng hội của núi sông, đất rộng và phẳng, cao và sáng sủa, dân cư không lo ẩm thấp muốn vật đều được giàu nhiều khắp xem trong cõi nước ta thì ở đây là hơn cả, thực là chỗ yên ổn tiết lậu xử bốn phương, nơi thượng đồ của đế vương muôn đời, ta nay muốn nhân nơi địa lợi ấy để định đô ở vậy (1). »

Trở về trên là « địa lợi » của tỉnh Hà nội theo như môn

học địa lý nhưng ta thử sét lược qua sử sách xem Hà nội đã có những kỷ niệm gì đáng chú ý :

Sử chép : - Tháng bảy, năm Thuận Thiên nguyên niên (1010) vua Lý thái Tổ dời bỏ đất Hoa Lư mà tiến về thành Đại la.

Khi toàn thuyền ngự còn đỗ ngoài sông, đêm ấy sông Cầu (tức là Ngự hà) tự nhiên nổi cơn mưa gió, sấm sét, trong nháy mắt chớp một cơn rồng vĩ đại bay rờn, tốc rất mạnh mẽ nhưng có ý cao mừng. Nhà vua báo tin rồng hiện cho nhân dân và đổi tên thành Đại la là Thăng Long.

Phải chăng trong thời Thái tông nhân dân vì sợ hãi ngôi của Thái Tử Phật Mã mà nhà vua xuống chiếu bắt các quan văn võ mỗi năm ra trề ở đền Đồng Cổ phụng thờ Yên Thái đó là một lễ tự nhiên thế đã tên.

Lại khi quân Nguyên sang nước ta, giả mượn đường đánh Chiêm Thành. Vua nhà Trần giam sứ Mông cổ ở thành Long, khi quân Nguyên vào

thành giải cứu có một vài người trong sứ bộ bị chết, giặc đã nổi giận làm ở «ả dân Thăng Long»

Nào lúc dân thành Thăng Long thấy xa giá vua tới nhà Trần đi vào Thanh hóa, tránh tại mũi nhọn của đoàn quân bách chiến, thi hành kế « dĩ dạ lôi lao » của Hưng Đạo Vương để khôi phục kinh thành trong trận thắng ở Chương dương mà vì thế câu thơ : *Đoạt sáo Chương dương độ* của Trương, tướng trần quang Khải đã thanh bất hủ vậy.

Nào buổi Trần mai, dân sự chả đã được mục kích những nguy hại của cha con Hồ quý Lý và ngày nọ lũ quân Minh sang cướp thì cướp sạch, định thu gọn cả bản đồ Việt Nam đem sá. nhập vào nước họ nhưng cái mộng đồ bộ của nhà Minh đã bị người anh hùng đất Lam sơn, gươm bả thướt một plover

1) Người văn chữ Hán chép ở Đại Việt sử ký toàn thư, Lịch triều hiến chương và Hoàng Việt văn tuyển — Bài dịch của Trần trọng Kim Việt nam sử lược (trang 77)

khỏi nghĩa, qua giáp mười năm đem lại dư đồ, khác phục thành Đông quan (một tên của Hà nội) và sau khi quét sạch kiến ong, thả một con thuyền chơi trong hồ Tả vọng, đánh rơi thanh thần kiếm, mà hồ từ đấy được tên là «Hoàn Kiếm».

Lại đến dưới triều Lê thánh Tông, gặp lúc thái bình thịnh trị, đất Thăng Long là nơi trung tâm diêm của nền văn hóa Việt Nam: nào Quốc tử giám, Tao đàn, nào Chiêu văn quán, Tập hiền viện, rồi khoa hương, khoa hội, sĩ tử chật đường, y quan rạng rỡ, thật là thời văn hoá toàn thịnh.

Cho đến cuối Lê, họ Mạc dòm ngó cao, Thăng Long lại thành chiến địa, trong các cuộc phiên loạn Thân duy Nhạc, Trần Tuấn, Trần Cảo.

Đến Trung hưng, đánh đuổi họ Mạc, Trịnh Tùng đã khác phục Thăng Long, sai san phẳng thành lũy, triệt lối quật cường của Mạc Mậu Hợp.

Ngày họ Trịnh chuyên quyền dân sự được mục kích những việc phế lập nanh thích như thất cô vua Kinh Tông, giết chết Thái tử Duy Vĩ.

Nhà Trịnh tọa sơn tự trong nhà, quân tam phủ theo lời, hiệp triệu của thầy đội Tiệp Bảo Nguyễn Bổng, hội họp ở Klán n, nổi trống trong triều ở k, bỏ của Cán lập chúa ai ấy hoạ kiêu binh kéo mã đến dời Cảnh Hưng; quân lấy Sơn ra Thăng Long thứ nhất. Hoàng Tôn Duy Kỳ lên ngôi là vua Chiêu Thống đa đại dột cầu viện với Thanh, Tổng đốc Lương Quảng Tôn sĩ

Nghị kéo đại binh sang, kiêu ngạo đóng ở Tây Long. Rồi đến cái ngày Bắc bình Vương vì dân, vì nước cả phá quân Thanh ở gò Đống đa dân Thăng Long cũng như non sông. Nam Việt nhờ đấy đã thoát khỏi tay kẻ hung tàn.

Hết loạn lại trị, Nguyễn triều nhất thống nam bắc, định dinh ở Thuận Hoá, thành Thăng Long dưới những tên Bắc Thành, rồi Hà nội vẫn còn là trấn lớn, có phen làm nơi tiếp sứ, bang giao.

Gặp khi Pháp Việt giao tranh tỉnh Hà nội lại nếm cái mùi binh hỏa, dưới gót giày sắt, của những quân lê dương, ả rập, mặc nỏ, dưới cái bóng cờ úp vô cùng lợi hại của quân Hắc kỳ, những phút rừng rợn ấy lại diêm bằng hai phen thất thủ, thấp thoáng trong khoảng 10 năm: Quý dậu (1873) Tổng Thống Nguyễn tri Phương nhin dôi mà chết! Nhâm Ngọ (1882) Tổng Đốc Hoàng Diệu treo cổ tử tận!

Thời Pháp thuộc Hà nội là nơi hoạt động của Đông kinh nghĩa học, Hồng tân Hưng, rồi Việt nam quốc dân đảng cho đến gần đây trong đêm lịch sử nồng 9 tháng ba non sông hoa cỏ Thăng Long đã được nhuộm máu đào của bao liệt sĩ nhất Việt, anh hùng, chí sĩ, đã hi sinh cao hên độc lập Việt Nam mà thành Hà nội trải bao thế kỷ thật đã lần lượt được thấy những sự hưng vong, biến thái của lịch sử.

Ôn những việc cũ, tôi muốn nhắc lại trong trí nhớ của dân tình này những kỷ niệm hoặc êm đềm hoặc đau đớn hoặc

vẻ vang của một thị trấn, một cố đô để dựa vào tinh thần lịch sử, kỷ niệm những việc đã qua bằng cách sửa đổi tên các đường phố để những lúc chiều giờ mát mẻ qua lại nơi đây, nhìn những tấm biển ghi trên các đường phố mà bồi hồi nhớ đến những giai đoạn vẻ vang của đất «Rồng hiện» này.

Thiền kiến tôi là nên ở tìm những vết tích lịch sử, những nơi đã đánh dấu một việc gì, một sự nghiệp anh hùng nào, để thành Hà nội dù qua bao phen dâu bể mà vẫn phảng phất cái dĩ vãng của những thời oanh liệt xưa.

Trước đây, nên tôi không nhầm, người Pháp, chiếm tỉnh làm nhượng địa đã đem tên danh-nhân của họ mà treo khắp đường phố, thậm chí cả tên những kẻ vô danh hoặc những bọn thực dân thâm độc, hội viên thành phố Việt Nam đã tỏ bày ở vài kỳ hội đồng, vì họ thấy danh nhân Việt Nam cũng nhiều, mà bắt dặc dĩ phải dùng đến nhưng lại chỉ dành riêng cho các phố nhỏ, hẻo lánh hay không mấy ai biết đến.

Đến nay, tuyên chiếu ngày mồng hai tháng năm, đức Bảo Đại đã công bố thu hồi những lĩnh thổ, việc sửa đổi tên phố xét ra rất có ý nghĩa để thực hiện chủ quyền chánh phủ Việt Nam trên những lĩnh thổ đã được thu lại.

Bao nhiêu biển có tên người Pháp phải bỏ hết và thay vào đấy những tên danh nhân trong lịch sử Việt Nam, hoặc là chí sĩ, anh hùng và liệt sĩ.

Dại khái : phố cửa Bắc là nơi Tổng đốc Hoàng Diệu trông giữ và tuần tiết đường Carnot có thể đổi là đường Hoàng Diệu.

Cửa Nam, phố mã Nguyễn tri Lâm, theo cha lên nghênh địch bị đạn mà mất ở trận tiền đường Puginier sẽ đổi là đường Phố mã Nguyễn tri Lâm.

Đường E. Garnier nên dùng tên Nguyễn tri Phương thay vào để ghi nướ vị liệt sĩ ngoài 70 tuổi đã hi sinh cho Tổ quốc.

Vườn hoa P. Berl trông ra hồ Hoàn kiếm nên gọi là vườn hoa Lê Thái Tổ và thiên tượng đồng vua Lê ở bên kia hồ thay vào tượng kẻ thực-dân.

Đường Bờ sông chạy giải ta tượng lại khi xưa ngự thuyền vua Lý tới đó nên tên Lý Thái-Tổ sẽ đặt ở đây để nhắc lại việc thiên đô là việc can hệ của nhà Hà-nội.

Đường giáp hồ Tây lên Bờ tường nên đổi là đường Hai bà Trưng thế vào cái tên ngõ ngắn « Route village du Papier »

Phố hàng Bưởi, xưa là Phố Thái-Hòa, nơi chôn rau cắt rốn của danh tướng Lý Thường Kiệt nên được đặt là phố Lý Thường Kiệt thì đúng hơn.

Còn phố : nào đẹp bằng con đường ven hồ Kiếm (nay là Av Beauchamp) thật là

Tùy hứng

HỒN NON NƯỚC

Trong « Thề non nước » của Tản-Đà, có những câu :

« Nước non nặng một nhời thề,
« Nước đi, đi mãi không về cùng non...
«... Nghìn năm giao ước kết đôi,
« Non non, nước nước không người
nhời thề ».

Dưới đây là

Hồn non nước, như đề tiếp-ý của Tản-Đà Nguyễn tiên-sinh :

Nặng tình luyện-ái sơ-khê,
Nước đi nước đã trở về với non.
Nước về giữa buổi cô-đơn,
Hoang-mang, nơi ngõ non còn trong mơ
Nước về giữa những giòng mưa.
Nước gieo liên-lạc cõi bờ cùng non.
Nước về giữa cảnh cơ-hàn,
Nước chong gột rửa, phong-trần non
xanh.

Giang sơn, dèo suối lạt tình
Nước sâu chấp nối ngọn - ngành vào
sóng

Mai, dù đất lở trời long,
Hồn thiêng non - nước nguyện cùng
thời-gian !

NHẠC THÔNG

KỶ-NIỆM THĂM ĐỀN HÙNG-VƯƠNG

Tế nhận dư đề (1) cảnh lạ thay !
Một làn non Trọc (2) đột lên đây :
Đế vương tự thủy cùng non nước,
Miên duệ Sấm la sánh cỏ cây.
Sử chép rằng tiên nghiệm về qui,
Sấm trạch : cuộc trê vẫn màu mây
Non xa mờ-mịt mưa cùng gió
Thấy nước mơ nguồn khách hỏi hay !

KHẢI MINH

(1) Tế nhận dư đề : là bốn chữ của chúa Trịnh trong câu đối đền Hùng Vương « Tế nhận dư đề dạ mệnh thờ »

(2) Non Trọc : giãy núi đền Hùng là núi Trọc

Dưới cửa nước chưa trong
Bên cửa (cửa) bóng chiều
thuật thơ.

sao ta không nghĩ lấy
tên thi-sĩ Nguyễn Du
mà đề vào đây cho có
vẻ nên thơ.

Con đường vòng
thành ra cửa Bắc (nay
là Av. P. Rasquet) đã
chứng kiến những sự
hi-sinh của bao nhữn
sĩ Nhật-Việt. Đường
cũng nên ghi tên các
bậc anh hùng, vào
đường lớn ấy và mây
phổ phạ rập rờ.

Đường hàng Bờ đã
có phen được đoàn
quân chiến thắng ở
Đống Đa của vua Quang
Trung chảy qua đáng
đổi là đường Nguyễn
Huệ.

Còn các phố ở
trên tỉnh vốn đã có
tên cũ như hàng Gai,
hàng Đào, hàng Bông,
hàng Đường, Trường
thị v.v. tưởng hạp để
nguyên để ghi chú kỷ
niệm của Hà-nội ba
mươi sáu phố phường
đó trước.

Trên đây tôi mới p ắc
qua chút thiêu kiến ốn
mong một hội đồng gồm
các bộ-ky-cựu; và tri
thức trong tỉnh thành
một hội đồng thật sự để
lại tên các phố cũ
của chúng ta xưa nay,
với cái dĩ-vãng lịch sử
mà bao phen ông vua
đã đem máu viết trên
những trang sách lịch

NG. TUÔNG-THƯỜNG

GIẤY BẠC VÀ CHÍNH-PHỦ

NGÔ-CÔNG

Trước chiến-tranh, ở Hà-nội có 3 ngân-hàng. Công-chúng gọi.

Trung-quốc trung-ương ngân-hàng là nhà băng Tàu,

Pháp-Hoa ngân-hàng là nhà băng Khách,

Hồng-kông Thượng-hải ngân-hàng là nhà băng Hồng-kông,

Chartered Bank là Ngân Đét-cua (vì trụ-sở ngân-hàng này đặt ở Lãng Đét-cua) cũng như họ gọi Đông-dương ngân-hàng là Ngân Nhà-nước.

Ngày nay, Đông-dương ngân-hàng vẫn được công-chúng gọi là nhà « nhà nước » — dấu rằng « nhà nước » của người Pháp đã đổ sau ngày mùng 9 tháng ba dương-lịch.

Cái tên « nhà nước » của Đông-dương ngân-hàng, do công-chúng đặt ra, không phải là không có duyên-cớ.

Giấy bạc tôi mang đến số « cầm » nộp một cái phạt rác là giấy bạc của Đông-dương ngân-hàng. Ông nộp thuế môn bài, thuế thổ-trạch... cũng dùng giấy bạc của Đông-dương ngân-hàng. Chúng ta mua bán cùng nhau, thấy đều dùng thứ giấy bạc ấy. Nhà nước phát lương cho công-chức cũng lại vẫn dùng thứ giấy bạc của Đ.Đ.N.H..

Giấy bạc Đ.Đ.N.H. phát hành được nhà nước dùng, dân-sự dùng. Bởi thế ta gọi Đ.Đ.N.H. là nhà « nhà nước ».

Xin nhắc lại :

Dưới chế-độ Pháp thuộc, người Pháp lấn lướt quyền lợi của người Việt-hàm ; về mặt kinh-tế họ làm chủ chuyên chế trong toàn-tuế địa-hạt nông, công, thương : họ giao quyền phát-hành giấy bạc dùng ở Đông-dương cho một nhóm tư-bản Pháp : Đông-dương ngân-hàng.

Điều đó ai cũng thừa rõ. Nhưng ta cũng nên biết thêm vì lẽ gì Chính-phủ đông-dương (của Pháp) không tự phát-hành giấy bạc Đông-dương, lại giao việc này cho một công-ty riêng ?

Đặt câu hỏi ấy và nhận thêm rằng : khắp hoàn-cầu, rất ít nước có quốc-gia ngân-hàng chính-thức nghĩa là rất ít chính-phủ tự đảm-nhận lấy việc phát-hành giấy bạc. Thường-thường, việc này chính-phủ giao cho một ngân-hàng, để vừa lấy thuế, vừa kiểm-soát ngân-hàng ấy.

Như ở Nhật, có Nhật bản ngân-hàng (1) giữ việc phát-hành những đồng ở Pháp có Banque de France phát-hành đồng Phát-lãng. Nước rộng như Trung-hoa, Hoa-kỳ có 2 hoặc 3 ngân-lãng phát-hành. Trước chiến-tranh, Giao-thông ngân-hàng (Tàu) có giấy bạc của Giao-thông ngân-hàng (Trung-ương Ngân-hàng) (cũng Tàu) giấy bạc của Trung-ương ngân-hàng. Hai thứ giấy bạc của hai

ngân-hàng khác nhau đều lưu-hành ở Trung-hoa. Ngày nay ở Bắc-binh, Liên-bang dự-trừ ngân-hàng phát-hành những đồng bạc (\$) tàu mà quốc-tế gọi là FRB\$ (bởi chữ Federal Reserve Bank), ở Nam-kinh, Trung-ương dự-trừ ngân-hàng phát-hành những \$ tàu mà quốc-tế gọi là CRB\$ (bởi chữ Central Reserve Bank).

Chính-phủ không phát-hành giấy bạc. Điều đó đã gổa thành một định-lệ ở thời-dại tư-bản.

Định-lệ này có những nguyên nhân sâu.

Một nước, muốn thịnh-vượng, hay — ít ra — muốn dân được làm ăn yên ổn, chính-phủ có nhiệm vụ giữ thế nào để giá của \$ ít thay đổi. Ví-dụ, 1\$ hôm nay mua được 1 bó gạo, hay là 2 thước vải, hay là 3 chai dầu, ... thì ngày mai, ngày kia, một tháng nữa, hai ba tháng nữa, 1\$ cũng vẫn còn mua được 1 bó gạo, hay là 2 thước vải hay là 3 chai dầu.

Người ta gọi giá ấy là giá đồ-chắc của \$, hay là sức mua của \$.

Để cho sức mua của \$ ít thay đổi, chính-phủ cần phải làm thế nào để lấp đầy được lòng tin của dân-đúng vào \$, cần phải duy-ti, cần phải nuôi lòng tin ấy.

Muốn nuôi lòng tin của dân, trước, điều cần hơn hết là số phát-hành \$ phải là một cơ-quan

có tiền giàu, có tiền chắc-chắn để đảm bảo những \$ đã phát-hành.

Điều-kiện ấy không Chính-phủ nào có được, dầu là một Chính-phủ chuyên-chế; tựa vào một nền tài-chính rất thịnh-vượng của quốc-gia.

Là vì trên mặt địa cầu ngày nay, quyền của công-dân (2) đã được mở rộng. Ở nước quân-chủ cũng như ở nước dân-chủ, ít khi một nội-các đứng vững được lâu dài.

Nội-các thay đổi, những người giữ chính-quyền thay đổi. Vì phòng chính-phủ đảm nhận việc phát-hành \$ (3) những người có trách-nhiệm đảm bảo \$ cũng thay đổi.

Trái qua một sự thay đổi như vậy, liệu chừng lòng tin của công chúng đặt vào \$ có nguyên được không? Nếu chính phủ phát-hành \$, ta thấy những người thay mặt chính-phủ ký tên trong \$ ngày nay là những vị tổng-trưởng có đủ chính-quyền, ngày mai có thể là những công-dân bất lực như ta.

Nguyên-ân ấy phá hoại lòng tin của dân-chúng đặt ở \$.

Rồi lại còn những vụ đảo-chính, những vụ thất quốc, những cuộc vận-dộng khởi-phục.

Cứ chịu khó điếm-xả nước Pháp, ta thấy:

Tháng giêng năm 1939, Daladier là thủ-tướng, tháng sáu đã là người tù. Những tiếng « quốc-trưởng Pétain » còn chưa hết dư-ba, mà nhật-trình đã đăng tin « thống-chế tự đem mình về nộp ». Một tướng khác đã đột-ngột tự xưng là quốc-trưởng mới.

Cứ tưởng-tượng rằng: chính-phủ Daladier phát-hành giấy bạc,

chính-phủ Pétain cũng phát-hành giấy-bạc lúc nắm chính-quyền và chính-phủ De Gaulle cũng lại phát-hành giấy bạc, ta thấy ngay cái nguy của người có những giấy bạc ấy, nghĩa là cái nguy của người dân Pháp. Dưới chế-độ Pétain tái-nhập giấy bạc Daladier là giấy vụn, cũng như dưới chế-độ De Gaulle giấy bạc Pétain là giấy vụn.

Và guồng máy sinh-hoạt sẽ bị ngừng tể đến bậc nào, nếu dân chúng chưa thể tin De Gaulle, lúc quân Đồng-minh và quân Đức còn đánh nhau ở miền đông nước Pháp?

Những cuộc phá sản ấy đều tránh khỏi, là bởi trải qua 3 lần biến đổi ấy, cơ-quan phát-hành phát-lãng là một công-ty riêng: Pháp-quốc ngân-hàng, tư-bản không thay đổi, tài-sản không thay đổi, làm việc tuân-tự theo luật lệ của mỗi chính-phủ chứ không thay đổi như những chính-phủ (3).

Ở Việt-nam ta, vì phòng ngừa Toàn-quyền (người Pháp) phát-hành \$ vì sau ngày 9/3/45, ai bảo đảm \$? Những người ngày hôm trước còn đủ chính-quyền nỗ lực để ép ta tin \$, ngày sau đã là tù-binh. Trong tình-trạng ấy, liệu chúng ông có đủ gan dạ nhận lời một cân gạo lấy một xấp bạc không?

Vậy mà ngày 10-3-45, giá gạo ở Hà nội vẫn chừng-chỉnh giữa 700-800 \$ một tạ. Lòng tin của dân-chúng đặt vào \$ vừa bắt đầu núng, đã được chòng dờ lại ngay bởi những bản tuyên-cáo của nhà đương-cuộc Nhật-bản, cho biết rằng: \$ đồng-dương vẫn được giữ nguyên giá.

Giữ được nguyên giá là vì cơ-quan phát-hành \$: Đồng-dương ngân-hàng, trước 9-3-45 làm việc theo luật-lệ của chính-phủ Pháp, sau 9-3-45 làm việc theo luật-lệ của Tổng tư-lệnh quân-đội Nhật-bản (bộ này giữ trọng trách giữ chữ đời sống của toàn-thể dân-chúng, trong lúc chờ đợi một Chính-phủ hoàn toàn tự-trí, hoàn-toàn độc-lập).

Đồng-dương ngân-hàng, với bao nhiêu tư-bản, bao-nhiều tài-sản bao nhiêu dụng-cụ, không thay đổi trước 9-3-45 cũng như sau 9-3-45. D. D. N. H tạm đặt dưới quyền kiểm-soát của Tổng tư-lệnh quân-đội Nhật-bản, cũng như từ trước đã đặt dưới quyền kiểm-soát của Tổng giám-đốc tài-chính Đông-dương, vẫn giữ trách-nhiệm đảm-bảo \$. Nhờ vậy \$ còn có giá.

Đó là một điều may cho dân-chúng Việt-nam.

Nhưng nếu Đồng-dương ngân-hàng là một ngân-hàng của nước Việt-nam, (hay của xứ Đông-dương) chứ không phải của một nhóm tư-bản pháp, thì điều may ấy mới ích lợi lâu dài.

Phải chăng việc thay đổi Đồng-dương ngân-hàng thành Việt-nam ngân hàng là một trong những việc mà nội các Trần-Trọng Kim đang hề sức chú ý?

NGÔ CÔNG

(1) Không phải « Hoàn toàn chính kim ngân hàng » (Yokohama spec Bank)

(2) công dân tư-bản —

(3) Sau cuộc thất-trận 1871, Thiers đã nói: « Ngân hàng đã bị chúng ta vì ngân hàng không phải là của chính phủ » (La Banque n'est pas de l'Etat).

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN - THỊ - BÍCH

Số 5

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TỔ

Cầm quyền chưa dựng mấy ngày,
Thượn-an lại thấy người Tây quét rày.
Klôn nong sức mạnh tài hay,
Thanh bèn lữ cừu, bỏ rêu chạy dài.
Bởi vì tiếp ứng không ai
Ước-giảm hoạn-hải, thương người oan thay !
Một cơn lửa dậy khói bay,
Cả đoàn tướng sĩ thoát rày không phương.
Lâm-Hoàn Thúc Nhận (1) khá thương !
Dòng quyền lai láng tung-đường liễu thân,
Sa-trường xót bấy quan quân !
Tấm lòng vì nước muốn xuân danh ngời.
Yết hầu (2) hiềm-giết mất rồi,
Vị như nước vỡ, bờ trời diu bề.
Lấy ai đốt pháo xung xe ?
Cầu-hòa phải quyết chịu bề nhậu thau.
Nào là những đấng trượng phu
Ngáy thường ăn nê (3) chẳng cho đánh bừa.
Lâm cơ mặt ngảnh tại ngơ (4)
Miệng hùm gan sứa bấy giờ mới hay.
Đã đành xếp giáo bỏ tay,
Hỏi mười bảy khoản ước rày dám sai !
Kính-thành dù đó tới lui,
Cải canh việc nước suy đồ từ nay.
Đặng an, mừng hầy chút may.
Xếp lo sắm-sửa định ngày nỉn lạng... (5)
Đồng đầu sinh chuyện bất bằng,
Vn bay chẳng kính, dám rằng ly-hoang (6)
i gặng mắt cửa lượn-an,
i vì ở trước vụn toan phòng nhân (7)
truyền phó, kẻ triều quan,
ê-cán (8) chẳng dặng lập ban đứng chầu.
han ói ! chưa dặng bao lâu,
Nó, nào với đã trước sau khác lòng !

Lại nghe vu-hoặc (9) cáo chung,
Nặng lời quở-trách Khiêm-cung (10) phi tần
« Nghe ai, mưu khử quyền-thần » (11)
Sự-cơ bất mật, tai trườn lập tuyền !
Đều là rừu sự quái-phi (12),
Chẳng gln lễ-nghĩa, phúc gì dặng lâu ?
Họa-thai bởi ý rất mau,
Sự sinh, sinh sự, há đâu ở trời ?
Tướng trôn, đau đau lòng người,
Con vua chính vị, dân trời thấy ưng.
Nhân cơ, hai gã đại-thần, (13)
Cũng rằng vì nước, cũng rằng vì thân.
Đồng lòng ủng lập ầu quân
Toan mưu phể trí, số vắn tầu bày.
Tini vừa bốn tháng mười ngày,
Đã lên cất xuống sự này lại ai ?
Chúng qu n lễ-lập quanh ngoài,
Số dặng kể hết mọi lời dận vì.
« Bởi lòng ở chẳng phải lời.
Ngồi trên muốn cỏ (14) ai vì khắng theo ?
Chấn lo, hà nước nghiêng nghèo,
Làm tôi vậy phải quyết liều trước toan.
Chịu thì đều dặng viện an,
« Người hay theo phép dám can phạm gì ?
« — Đã vậy còn hầy nói chi,
Xin cho phiên-phục (15) lại về là may.
Lạy xin cứu mẹ con nay »
Nghe lời người cũng xót thay những là !
Phán rằng : « Sự ấy mặc ta.
« Có truyền ý-chỉ (16) dám là chẳng vâng »
Lãng-công nghe vậy lòng mừng.
Sạc đồ bửu-ấn (17) giao dặng tức ký.
Bèn ban ý-chỉ dụ trí :
« Phạ thần này phải luận ý lời già,

Sợ này há bởi người ta,
 Nay dù có lỗi, cũng tha mới đành.
 Huống đã chịu phép phục tình,
 Rộng dung choặng toàn-sinh thoát-hồi » (18).
 Hai quan phụ-chính vâng lời,
 Gửi « xin trực võng mời người kíp ra ».
 Sự e dàu dăm dần-dà,
 Một đoàn hầu thiếp cùng là con dân,
 Ra vờ tới chốn thành đầu,
 Phủ ông Dục-đức truyền hầu vào ngay,
 Mẹo lừa gạt gẫm (19) khéo thay !
 Sẵn đánh (20) thuốc độc ép vầy chết tươi !
 (Xem tiếp trang 16)

1) Lâm-Hoành Thúc-Nhận là hai tên người, chống nhau với quân Pháp, bị tử trận tại cửa Thuận-an vào năm 1885. Xem Đại-Nam Liệt-truyện, nhi-tập (q. 35, tờ 2a và q. 39, tờ 10b) không thấy chép tên ông Trần-thúc-Nhận, chỉ thấy chép rằng : « Lúc ấy người Pháp đem thuyền chiến đến cửa Thuận-an, hũu-quân đô-thống là Lê-Sĩ, thống chế là Lê-Chuẩn, phó-phòng-layện là Lâm - Hoành, chiêu nhạ đem quân ra chống cự. Suốt hai ngày tiêng súng không ngớt ; quân Pháp bền xuống thuyền-con chèo vào bờ, đi sau xuống Thai-dương đánh úp vào thành Trấn-hải ở Thuận-an. Lê-Sĩ cùng Lê-Chuẩn, Lâm-Hoành và chuồng-vệ Nguyễn - Trung đều chết tại trận... ». Nhưng xem đến Việt-nam Tân-báo (số 78, ngày thứ tư 27-6-1945) về bài lên mới các đường trong thành-phố Thuận-hóa, thì nhờ Doucart de Lagrée đổi làm « Đường Trần-thúc-Nhận, vị anh hùng đã tử-tiết ở cửa Thuận-an, cùng với Lâm-Hoành ». Chữ này vận sanh, đọc là Hoành mới đúng. Thế thì có Trần-thúc Nhận, chứ không phải không. Vả lại, xem trong tiêng sử bà Lê-Tân Nguyễn-thị Bích (tác - giả Hạnh-Thực-Cai) có câu « Phàm hũu sắc phụng chiếu thư ; viên bút lập tự, vô bất xứng chỉ » nghĩa là « Hễ sắc sắc sai bà làm những chiếu thư, thì bà cầm bút viết xong ngay, không bài nào là không, xứng ý » (Đại-nam liệt-truyện nhi-tập, q. 4, tờ 22 a-b). Thế thì những sự-tích điển-cổ ở trong bài Hạnh-Thực-Cai này, có lẽ chắc chắn lắm. Tuy trước kia tôi có nói rằng sẽ đi chép bài ca này ra quốc-ngữ, chỉ cốt tiện đọc-giải một mớ tài-liệu mà xưa nay chưa ai in ra chữ chưa ; dám bàn về sử. Song, cứ xem như câu này, thì đủ biết bài Hạnh-Thực-Cai có giá trị lắm. Nhà tiên tôi gáu-câu chép-nhữ cho công - bố những giấy tờ từ năm 1856 cho đến trước ngày mùng 9 tháng 3 năm 1946, để bỏ khuyết vào sử-liệu nước nhà. Thế-dạ truyện Trần-thúc-Nhận ở sẽ không

có, mà bà Lê-Tân kể ra được, chắc là có giấy là rõ ràng lắm

2) Yết hã là cuống họng, nghĩa bóng là chỗ đất hiểm-giữ.

3) Ăn uế là tiêng Trang - kỳ, tức là ăn đung quốe ăn không.

4) Câu « Lâm cơ mặt ngoảnh tại ng » bản nôm của trường Bắc-cổ có phê bốn chữ « ma đảo lộng khỏa » nghĩa là « mảong thế, thật là đùa mà sướng ».

5) Ninh là yên lặng là mã vua chúa. Cả hai chữ ninh lặng là đem lặng.

6) Ly là lên một quế trong bát quai ; quế ly ở phương nam Ly lại có nghĩa là sáng ; vua ngành mặt hướng nam, nên nhà làm vua thường mượn chữ ly để gọi vua. Hoang nghĩa là saq đầm, hoặc say mê

7) Phong-nhân là ngăn-ngừa trước.

8) Chẽ cân là khăn để chũ, tiêng Trung-kỳ gọi là khăn chũ.

9) Vu là đặt chugện, hoặc là lừa dối.

10) Khiêm-cung phi-lân là các phi tần của vua Tự-đức.

11) Mưa khử quỳên-thần là mưa trừ bọn quỳên-thần, tức Nguyễn-vân-Trương và Tôn thất-Thuyết.

12) Câu « Bềa la nhữn sự quai phi » bản nôm của trường Bắc cổ có phê bốn chữ « nghị luận xác đáng ».

13) Câu « nhân cơ hai gã đại-thần bản chữ nôm có phê bốn chữ « như kiền phê can » nghĩa là « như thấy rõ quan phôi hai gã đại-thần ».

14) Muốn cỗ là muốn cỗ xe Phép nhà Cha, ngôi thiên tử rất vương nghìn dặm, khi xuất binh được dùng muốn cỗ xe. vua chu-ấn đã rất vương trăm dặm, khi xuất binh được dùng nghìn cỗ xe, vì thế, đời sau gọi thiên tử là « van thặng », nghĩa là « muốn cỗ xe ».

15) Phiên là phiên hay rào, hợp là treo. Phiên phực là như q chữ quai ở ngoài bên quai.

16) Ý là lời chỉ là chỉ dụ ; cả hai chữ là lời của hoàng-thai-hậu hoặc hoàng-hậu.

17, Bửu là ăn bầu, tức là ăn của vua.

18, Toàn-sinh thoát hồi là được sống hoàn toàn về lại.

19) Câu « mẹo lừa gạt gẫm khéo thay », bản nôm của trường Bắc-cổ có phê câu « vi đại-thần kê, bất dĩ tại nh en » nghĩa là « Làm vị đại-thần làc bầy gió, thì cái mưu-kê không trở nao không làm thế được » Tuy vậy, câu phê ấy không được chính-đáng.

20) Câu « Sẵn đánh thuốc độc ép vầy chết tươi », bản chữ nôm có phê hai chữ « nhân tại » nghĩa là « nhân tại nháy » / Sách lấy chép về vua Hàm nghĩ nhiều lắm, quốe của ông A. Delvaux (Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire l'Année ang ở Bulletin des Amis du Vieux Hui, năm 1941 có giá-trị hơn cả.

NGUỒI ta vẫn thường chịu các nhà nho là những người thâm và hay dùng văn chương để rượu cợt thế nhân hoặc dùng lời lẽ thâm trầm mà hy vọng cổ kim, kim cổ.

Trong các nhà nho hay dùng chữ để đùa cợt, chúng ta không quên Chiêu Hồ và Hồ Xuân Hương đã từng cùng phen ngâm vịnh. Khi Chiêu Hồ vào kình, Xuân Hương có làm câu thơ có ý trách:

Nay đã mãn cha thẳng Xích tử
Chiêu Hồ đáp lại có vẻ kinh thị:

Rày thì đủ mẹ cái hồng nhan.

Thật là chua chát và tài tình! Cụ Yên Đỗ một thi gia gần đây cũng hay đùa với chữ. Một hôm cụ đã tặng cô Tư Hồng ba chữ « chí chí đã », chí là chung, đã là vậy. Chính ba chữ đó thì không có nghĩa gì nhưng đọc lên mà nghe chệch rất rõ chí chí đã là cha cha đã. Thật là một câu mỉa mai cay độc, mỉa mai cũng như một nhà nho khác đã từng tặng cô đôi câu đối:

Hai chữ bao phong hàm cụ
Nghìn năm danh tiếng của
Bá to

Một phù thương khác một kim đến xin cụ Yên Đỗ mấy chữ đề dán ở cửa hàng. Cụ đã viết ngay ba chữ « anh » giống ba cái búa.

Người kia ngạc nhiên không hiểu. Cụ liền cắt nghĩa:

— Bác đốt lăm, đó là chữ trong Tam tự kinh. Tôi viết ba chữ *nhĩ* là có ý chặc bác buốt bán ngày thêm phát đạt vì trong sách đó chỉ có câu: *thập nhĩ bách, bách nhĩ thiên, thiên nhĩ vạn* như thế chặc: mười hoá trăm, trăm hoá nghìn, nghìn hoá vạn. Bác còn muốn gì nữa.

Nghe đoạn người kia bèn cảm tạ đứng lên về!

Giữa nhà nho và các nhà tu hành xưa kia vẫn thường đề lại những giai thoại nên thơ. Một hôm, nhà nho nghe dân như ông Ngô thời Nhậm vào một cảnh chùa thấy nhà sư đàn ở trước tam quan đôi câu đối:

Cứu nhân độ thế
Khuyến thiện trừng ác

Nhà nho nghĩ thầm ngợi khen này ra ý lờm nhà sư mà nói thêm vào mỗi vẻ mấy chữ thành một đôi câu đối khác mà ở trong vừa có ý riếu cợt mà lại bao hàm điển tích của nhà Phật:

Cứu nhân độ thế, cứu ai vạy
mất một đèn mười
Khuyến thiện trừng ác, con
đầu để thàng tư mòng tám

Một nhà nho khác một hôm gặp một nhà sư liền có ý khoe chữ. Nhà sư muốn thử tài liền ra một vẻ câu đối:

Cái là tượng tượng là voi, voi
chầu cửa cái

Nhà nho liền liền lại rằng:

Ta là hổ, hổ là cọp, cọp hát
thầu tu.

Thật là duyên lạc và chàm hèm

Văn trào lộng của nhà nho

PHẠM-MẠNH-PHAN

có ý riếu cợt nhà sư là sư hồ mang và nguyên rủa là khác nữa!

Cũng nhà nho ấy nhào vào một cảnh chùa khác: hãy nhà sư có vẻ phong tú: lên tỏ ý muốn cầu cứu ít tiền. Nhà sư đang rở đầu ngoảnh lại từ chối, đầu rảy ra cả để liên nói với nhà nho.

Dầu vương cả để.

Nhà nho liền ứng khẩu một cách khiêu khích:

I... vãi dầu sư

Rồi đi thẳng! Thật là ngang tàng và ngạo mạn.

Một ông quan bắt nhà nho đi phu. Nhà nho chợn. Quan bắt vợ đi thay. Ông chạy theo vấp ngã. Quan sai bắt và nọc ra đánh rồi bắt đối được câu này thì tha đòn:

Phu là chồng, phụ là vợ, về
chồng vợ phải đi phu

Thật là cái cảnh của người đang nằm dưới mặt quan. Nhà nho này ra ý hỗn xược, lấy giọng tự xưng với vợ để ngạo nghễ và bày tỏ với quan mà đối lại:

Ngã là ta, nhĩ là mày, tại mày
ta nên hốt ngã!

Ở vùng Trục Ninh, Nam Định có một học đại thần xuất thân chỉ là một học sinh trắng

Lúc thiếu thời, cụ có ra tranh lý trường ở làng, nhưng không được, sau gặp thời ra làm quan tới đồng các. Vua Tự Đức có phê rằng:

Lý trường bất túc, tổng đốc
hữu dư

đúng như hoàn bộ của bậc đại thần ấy.

Một nhà nho trong chỗ thân thuộc có làm một bức hoành liệng đề bốn chữ:

Văn lý trường thành
Chữ trường còn đọc là trường. Trong hoành đó rõ ràng 2 chữ « lý trường » mà nhà nho có ý mỉa mai soi mói tới việc ra tranh lý trường của quan ngày trước!

Nói đến câu đối mừng, nhà người còn nhớ tới chuyện mới đây của một đại phú gia ở miền bờ.

Nhận xây xong ngôi nhà và một cái cổng đồ sộ nhưng không hiểu sinh văn tự làm sao đã nhờ 1 vị đại khoa nghĩ cho mấy chữ đề nề vào cổng. Nhà nho đã viết hai chữ « Đại lai ».

Hỏi thì ông trả lời rằng:

— Đại lai nghĩa là dưới cổng này sẽ có các quan khách phần nhiều là đại viên đại hiến qua lại.

Cổ người thì thăm bảo nhau:

— « Đại lai là « lớn lại », mà lớn lại rồi ngược lại là « lái lợn ». Như vậy quả là cổ ý nhắc tới cái quá khứ thừa bàn vì của bậc đại phú gia.

Nghe đầu mặc dầu thế hai chữ ấy hãy còn nề trên cổng.

Một ông lái khác được cử phẩm liên đặt lệ khao. Một cụ đồ mừng đôi câu đối:

Chén thọ nay mừng vừa khéo
keo

Tuổi già mặc nữa đến khương
khương

keo keo là tiếng lóng của người mua lợn nghĩa là 55. Đúng với tước chủ nhân. Và khương k khương là tiếng lóng của con số 89. Câu mừng vừa nể mà quả là đề mừng một ông lái lợn.

Cũng trong một tiệc mừng khác, một cụ đại thần nhạo giễu một bữa tiệc đãi quan khách đã tiệc mừng chủ nhân bốn chữ « Kế thế lan tôn ».

Thật hợp với cảnh vui mừng của chủ nhân.

Nhưng chữ *tôn* chính là chữ *tống* đọc chệch, *lan tôn* là *lan tống* và đọc nhanh nghe giống chữ *planton* là làm tùy phái. Cụ ý người mừng là mỉa mai chủ nhân là một người tùy phái học làm sang mà ông thân xưa cũng xuất thân là một tùy phái! Rồi rằng « kế thế planton! » là đời họ đời kia nối nhau làm tùy phái! Thật chua chát và trào lộng!

Ở một phố phía bắc thành phố H. N. trước kia có một nhà họ sinh lấy tên là « Con Rồng ». Bả chủ nhà họ sinh ấy có một nhà nho làm bộ một câu đối đề nề vào cổng. Câu đối ấy trước thấy ở ngay nhà họ sinh:

Con Tiên cháu Rồng, lợn
xuống trần gian vui vẻ nhĩ.

Một hàng mơ răn, sai đàn con tạo đồ đàn cho.

Câu đối ấy dán ở nhà họ sinh thật là hợp và hay, nhưng nhà nho có ý lờm và nếu chặc lại câu các bạn đọc sẽ thấy cái « dụng ý » của nhà nho tác giả câu đối ấy.

Tôi không dám vạch cái dụng ý ấy ra đây e thất lễ với các bạn đọc!

Văn trào lộng nhiều khi còn nhuộm màu chua chát như bài thơ sau đây:

Một vị tổng đốc miền duyên hải: khi trước đã nổi tiếng là kẻ thù số một của các chí hị tại phạm. Khi tại chức ông vẫn thường dùng « đại chày » để tra tấn các tội nhân mà tăng công với bọn thực dân Pháp, khiến mọi người:

Một phen nhào đến kinh thiên
hạ
Reo khắp non sông một tiếng
chày!

Vì vậy một nhà nho, cụ Đồng Gang tỉnh Thái bình đã có bài xướng lên bài thơ « Cái chày » đề ghi trên bia miệng các tra tấn đã man của vị quan ấy, với bao giọng mỉa mai chua chát:

Ngắm càng góm kẻ đặt nên
chày

Nó nước gần xa nặng tể
chày!

Muốn giã, muốn đâm thì phải
cội

Nào lên, nào nện cũng bần
chày

Chạch cua, ngán nổi chui v

Xén mít, ghé thay khéo
chày

Đầu có nhọn đầu mà cổ thất
Mở đầu nạo hết để bết chày

PHẠM MẠNH PHAN

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 14

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Dương Quảng Hàm nói về « Các thể văn của Tàu và của ta, thi-pháp của Tàu và âm-luật của ta » ở chương thứ mười ba trong quyển *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, từ trang 109 đến trang 125. Chương này là ông Hàm theo chương-trình của nhà học - chính cũ; đáng lẽ tôi không phải bàn đến, vì đối với sử-học không thiết thực lắm. Nhưng là sách giáo khoa thì một câu-nói, một chữ-viết, đều có thể làm khuôn-mẫu cho học - trò được; mà chương này cũng có một vài chỗ ông Hàm giảng nghĩa hình như không rõ và có chỗ lại hơi sai nữa nên lần lượt cập - chính như sau này :

Trang 110 nói về thơ, ông Hàm viết : « Thơ số chữ trong câu, thơ có hai lối chính : 1) ngũ ngôn ; 2) thất ngôn ». Hình như thiếu, vì thơ bắt đầu có từ thơ cổ - phong và học đại - nhã, tiêu - nhã trong *Kinh-Thi*, phần nhiều dùng mỗi câu bốn chữ. Từ đời Ngụy (220-265) đời Tấn (265-420) trở sau, phần nhiều dùng mỗi câu ba chữ và bảy chữ. Như thế mà chỉ có hai lối chính, là năm và bảy chữ, thì thiếu lối bốn là đối rõ của nghệ thơ rồi chữ ngũ ngôn thất ngôn chưa thêm rằng : Thơ ngũ bắt đầu có từ Lý Thái-Bạch người đời Đường Minh - hoàng ; (13-755) và Tô Đông-Poa (người

đời Tống, vào khoảng Nhân-tông đến Triết-tông : 1023-1099) ; thơ thất ngôn bắt đầu có từ Hán Vũ-đế (140-74 trước T. C.).

Cùng trang 110 ông Hàm nói : « *Thơ cổ phong và thơ Đường luật*. Theo cách là n, thơ chia làm hai thể : 1) Cổ-phong hoặc cổ thể là thể thơ có trước đời nhà Đường, không theo niêm luật nhất định ; 2) Đường-luật hoặc cận-thể là thể thơ đặt ra từ đời nhà Đường (618-907) phải theo niêm luật nhất định. — *Thơ tứ tuyệt và thơ bát cú* Theo số câu trong bài, thơ Đường-luật chia làm hai lối : 1) Tứ tuyệt mỗi bài bốn câu ; 2) Bát cú, mỗi bài tám câu »

Đoạn ấy không được rõ, nên sửa lại như thế này :

Thơ cổ-phong và thơ Đường luật. — Thơ có hai lối : một là cổ-phong ; hai là Đường-luật. Cổ-phong có tên là cổ-thể lại có tên là cổ-thi. Dùng vần bằng hoặc vần trắc, hoặc huyền vận hoặc không vần, không có phép - tắc nhất định ; lại có thể dùng mỗi câu 5 chữ, 7 chữ, 3 chữ, 4 chữ, 6 chữ được cả. Từ ngày Thảm-Uớc (người đời Lương Vũ - đế : 502-549) xướng lên cái thuyết tứ thanh (bốn tiếng : bình, thượng, khứ, nhập) thì lối thơ từ bấy giờ trở đi mới có thanh-âm và âm-luật. Rồi đến đời Đường (618-907) nghệ thơ toàn-thịnh, mới phân ra

cổ-thể và cận-thể. Cận-thể có tên là Đường-luật, vì đến đời Đường mới có các lối ấy, cận-thể thì có âm-luật và có hạn số chữ, số câu, nhất định.

Thơ tứ-tuyệt và thơ bát-cú. — Theo số câu, thì thơ Đường-luật có hai lối : một là tứ-tuyệt ; hai là bát cú. Tứ tuyệt là chữ của ta quen dùng mỗi bài thơ bốn câu. Chính của Tàu gọi là tuyệt - cú : là mỗi bài bốn câu, hoặc văn bằng hoặc văn trắc, mỗi câu 5 chữ, 6 chữ, hoặc 7 chữ đều được cả. Lối ấy bắt đầu từ lối thơ - mới đời Tề (479-501) đời Lương (502-556), đến đời Đường mới có tên là tuyệt-cú. Còn như chữ tứ-tuyệt của Tàu thì nghĩa khác : một là bốn thứ tuyệt tốt tuyệt hay không ai hơn, như cái bia Nguyên-đức-T và bia Nhạc-dương-lâu, người đời đều khen là tứ tuyệt (một người thợ bia khéo, một người làm văn bia hay, một người viết chữ chân và một người viết chữ triện đều tốt) ; hai là bốn ngày tuyệt xấu, là bốn ngày hôm trước ngày lập-xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, người ta rất kiêng, cho là đại kỵ, nên gọi là tứ-tuyệt : thế là chữ tứ tuyệt của Tàu không có nghĩa gì về thơ. Bát cú cũng là chữ của ta quen dùng gọi thơ tám câu. Chính của Tàu gọi là luật thi, nghĩa là có cách luật nhất định. Luật ngũ ngôn bắt đầu từ đời Tề đời

Lương; đến đời Đường mới có tên là luật thi; luật thất ngôn bắt đầu từ đời Đường, mỗi bài tám câu. Còn từ mười hai câu trở lên gọi là bài luật.

Trang 117, ông Hàm nói về « Cách gieo vần trong lối thơ cổ phong. — Lối thơ cổ-phong có thể cả bài dùng nguyên một vần (độc vận), hoặc dùng nhiều vần (liên vận) Khi dùng liên vận thì hoặc mỗi hai câu mỗi đời vần (lối này phải dùng vần liên châu mỗi cuối câu mỗi hạ-vần), hoặc bốn câu dùng một vần... hoặc tám câu dùng một vần... »

Đoạn này cũng không rõ và cũng thiếu nghĩa. Như dưới chữ « nhiều vần » mà chưa chữ « liên vận » thì những học-trò mới tập học chữ nho có lẽ phải phân-vấn mà tự hỏi rằng: « không biết có phải chữ « liên » là « nhiều » không? ». Lại như câu: « mỗi cuối câu mỗi hạ vần » thì học-trò có lẽ phải hỏi rằng: « Thế thì câu nào cũng phải có vần ư? ». Vì thơ tám câu chỉ có năm vần hoặc bốn vần, còn bốn câu hoặc ba câu không vần; thơ bốn câu thì chỉ có ba vần hoặc hai vần, còn hai câu hoặc một câu không vần.

vậy nên chữa lại như thế này:

Lối thơ cổ-phong có khi cả bài dùng một vần gọi là độc vận, hoặc dùng nhiều vần, gọi là liên vận. Khi đã dùng đến lối liên vận, thì có nhiều cách: có khi hai câu một, lại đổi sang vần khác (xem kỹ ra, nếu hai câu đổi một vần, thì có thể gọi là không có vần, nhưng mấy chữ thứ 4, 5, 6, 7 ở câu có vần, thường dùng làm

chữ thứ 1, 2, 3, 4 ở câu liền đấy nên ta thường gọi là liên-châu. Chữ chính chữ liên-châu của Tần, lại là một lối vần bắt đầu từ Dương - Hùng đời Hán. Lối vần độc-đế mà gọi rằng, không nói rõ sự-thực, chỉ mượn thí dụ mà người xem hiểu thấu, có lần-lượt rõ-ràng như chữ ế hạt châu, cho nên gọi là liên-châu); có khi bốn câu, sáu câu, tám câu lại đổi sang vần khác.

Trang 123, ông Hàm nói đến « Hoa vận (hoa: óa theo; vận: vần) là bài thơ gieo đúng các chữ vần của bài trước đó là bài trước (hát lên) để đáp lại ý - nghĩa bài trước hoặc bêu đồng inh, hoặc phản đối lại ».

Chữ « hoa » tuy mặt chữ nho viết chữ « hwa » nhưng có một âm đọc là « hwa » nghĩa là « thanh-âm hưởng ứng nhau ». Ông Hàm chưa là « hwa theo » thì không rõ. Còn chữ « xướng » thì mặt chữ nho viết « nhân đứng » mà chữ « xướng » nghĩa là « khởi xướng » hoặc « xướng lên », chứ không phải « xướng » là « hát lên »: ông Hàm viết nhầm chữ « khê » bốn chữ « xướng » nên mới cắt nghĩa là hát. Tôi tưởng nên chữa « Hoa vận là bài thơ gieo đúng vần bài thơ của người khác tức là bài xướng... » v. v.

Đến mấy bài thơ ông Hàm sao đề làm mẫu cũng có chữ nhầm. Như trang 116 ông Hàm sao bài Con cóc của Lê Thánh-tông, câu 3, 4 ông Hàm chép: « Tép miệng năm ba con kiến giố, nghiêng rặng chuyền động bốn phương trời » ở bên cạnh lại chưa hai chữ « đối nhau ». Xét ra thì không đối nhau

lý nào cả: « Năm ba » không đối được với « chuyền động », « con kiến » không đối được với « bốn phương ». Trường Bác-cổ có sao được bài thơ ấy bằng chữ nôm, tôi thấy khác như thế này: « Tác lục ra oai ba chủ kiến, nghiêng rặng chuyền động bốn phương trời. » (Quốc-văn-tùng - kỷ, bản sao của trường Bác-cổ số A B 383, tờ 14 b) chưa chắc có dùng chữ thế không, nhưng ở xem chữ « ra oai » thì có thể đối được với « chuyền động », chữ « ba chủ », có thể đối được với « bốn phương » còn như chữ « Tác lục » với chữ « Tép miệng » thì chữ nào cũng thế, vì hai chữ cũng một ý nghĩa giống nhau.

Bài Khen Trần Bình-Trọng ông Hàm chép như thế này (ở trang 117):

Gởi thay Trần Bình-Trọng /
Dòng-dối Lê Đại-hành.
Đánh giặc dư tài mạnh,
Thờ vua một tết trung.
Bắc vương sống mà nhục,
Nam-quỉ thác cũng vinh
Cứng-cỏi lợi trung-nghĩa,
Ngàn thu tỏ đại danh.

PHAN-KẾ-BÍNH

Cả bài có 8 câu 4 vần 4 chữ vần là: hành, trung, vinh, danh, thế là chữ « trung » không đúng vần tức như ông Hàm đã nói ở trang 111 là « lạc vận ». Nhưng không biết là tác-giả « lạc vận » hay ông Hàm chép sai. Dù sao nữa, một bài làm mẫu mà lạc vận như thế, thì không nên chép làm bài học.

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VAN-TÔ

PHEP QUÂN ĐIỆN

TAI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Tinh phong NGUYỄN-TÀI

Triều Minh mệnh, 'nước ta có thi hành phép quân điền tại tỉnh Bình Định. Phép ấy cốt là cấp ruộng cho người nghèo, cho họ có kế sinh nhai. Họ đem nộp thuế là ruộng nhà nước trích của người già đem tịch thu làm ruộng công.

Khi xướng ra việc ấy là Võ xuân Cầm (1) Năm Mậu Tuất, Minh mệnh thứ 19 Võ xuân Cầm làm Tổng đốc Bình phủ (Bình định và Phú yên). Thấy tại tỉnh Bình định, số ruộng công rất ít, không đủ để quân cấp cho dân nghèo, thành ra họ lâm vào cảnh đói khổ, bèn có ý chia lại ruộng đất để cho kẻ nghèo có kế mà sống được. Tháng một năm ấy, dâng sớ vào triều, xin thi hành phép quân điền ở các tỉnh. Xin rằng những chủ ruộng bị được giữ nhiều nhất là 5 mẫu làm tư điền, còn thừa bao nhiêu, đem làm công điền, để phân chia cho dân. Đức Thánh tổ không bằng lòng cho thi hành ngài dụ rằng: « Tư điền, tư thổ là huyết bản của dân, nay đem tịch của tư làm của công, việc làm trái với nhân tình, ta thi hành không phải dễ.

Đến tháng bảy năm sau, Triều Minh lại bàn đến việc quân điền. Hộ bộ đề nghị rằng: Ở những trấn ấp nào mà số ruộng công nhiều hơn số ruộng tư, hay là số ruộng công và số ruộng tư bằng

nhau, thời cứ để nguyên như cũ, không có tịch thu của ai cả. Nếu ruộng tư nhiều hơn ruộng công, tịch thu một nửa số ruộng tư làm ruộng công. Ở những nơi ấy, có những dân đinh không có ruộng đất, hoặc chỉ có đất mà không có ruộng, hoặc số đất nhiều mà số ruộng ít, nhà nước sẽ trích những quan trại điền, công điền ở gần đấy mà cấp cho. Như thế, binh dân đều được hưởng lợi. » Đức Thánh tổ cho rằng phép ấy có phần dễ thi hành hơn phép mà Võ xuân Cầm đã tâu trước kia, — trước kia, chỉ để cho mỗi chủ 5 mẫu làm tư điền, còn thời sung công cả — Ngài bèn quyết ý, cho làm thử tại Bình định, để xem thành tựu thế nào. Ngài sai Võ xuân Cầm, là người đã có sáng kiến, khi ấy làm Hộ bộ thượng thư kiêm Đô sát, cùng với Hộ bộ tham tri là Doãn Uân, vào Bình định và cấp cho tiền bạc làm lộ phí. Trước khi lên đường, hai người lại tâu rằng: « Ở ruộng ở tỉnh ấy, hiện không thể nhất nhất chia đều được. Ấp nào mà may có ruộng khá nhiều, đến kỳ quân cấp, cứ theo phép cũ chia hàng mà cấp. Ấp nào mà số ruộng hơi ít, thì xin trước hết cấp ruộng cho lính, lương điền còn thừa mới chia

khấu phần mà cấp cho dân. Ấp nào mà số ruộng ít quá, xin chỉ cấp lương điền thôi. Tự trung cấp nào địa thế xa cách, không lấy quan trại điền mà cấp cho được, thì xin xem ở gần đấy có ấp nào mà có nhiều công điền, trích một số ruộng độ một vài mẫu mà cấp cho. Còn như tư điền, bất cứ của thường dân hay của công thần, thế tộc, nhất luật sung công một nửa. » Vua đều nghe cả; dạy tỉnh ấy có ruộng hương hỏa của Đào duy Từ, cũng phải trích một nửa, ngài chuẩn cho mỗi mẫu là 50 quan tiền, giao cho cháu chắt là Đào duy Du giữ lấy mà cúng tế. Ngài lại lo rằng các xã phải làm lại điền bạ, không khỏi phí tổn, chuẩn cấp cho xã lớn 8 quan, xã trung 6 quan, xã nhỏ 4 quan; ngài thấy ở tỉnh ấy giặc dật, sai đem giấy trong kho vào phát cho mà làm sổ.

Tháng một năm ấy, Võ xuân Cầm và Doãn Uân làm xong việc quân điền, về Kinh phục mệnh. Vua hỏi Hộ bộ thượng thư Hà duy Phiên rằng số tiền thuế sẽ tăng giảm thế nào, sau khi đã quân điền. Hộ bộ tâu rằng: « Tỉnh ấy nguyên số công điền 6, 7 nghìn mẫu, tư điền hơn 7 vạn mẫu. Nay đem một nửa tư điền làm công điền, số công điền bây giờ trên dưới 4 vạn mẫu. Cứ tính đại lược, thuế điền ít đi mà thuế đinh nhiều lên. Đó là tại từ trước đến nay, các tỉnh miền Nam, thuế công điền và thuế tư điền bằng nhau, duy thuế quan điền nặng hơn thuế công điền. Nay quan điền chuyển làm công điền, số công điền có tăng, nhưng số thuế lại giảm. Còn như thuế

thân của dân hạt ấy, chỗ nào có công điền thuế nặng hơn chỗ không có. Nay công điền đem quân cấp, thời dân nào cũng có ruộng cả. Vì vậy cho nên thuế quan điền có giảm mà thuế đinh lại tăng. Vua dạy rằng: « Bản ý là chia lợi cho dân, còn thuế tăng hay giảm, không phải là điều nên kể đến. »

Phép quân điền đã thi hành, tuy sử sách không nói rõ, ta cũng có thể biết được rằng đám dân nghèo rất hoan nghênh, vì nay đã có ruộng mà làm, chỉ phải nộp thuế cho nhà nước. Tuy vậy, việc điền thổ ở hương thôn thường hay sinh ra nhiều điều nhúng nhám. Liếng rằng quân cấp, mà thực không đều. Những chỗ đất màu mỡ dễ làm, bọn cường hào chiếm mất cùng đinh, hạ hộ chỉ được những mảnh đất khô khan. Lại còn phần nhiều, phần ít, gây ra nhiều việc lời thối. Dân Bình định, ở trong cảnh ngộ như thế, thường di kiện lẫn nhau, rồi sau lại làm đơn xin chia lại. Tháng hai năm Thiệu trị thứ nhất. Tổng đốc Bình phủ Đặng Văn Thiêm làm sớ xin chia đều số ruộng của dân ra làm hai phần, một phần sung công, một phần để làm của tư và xin sửa đổi lại cả địa bạ. Lại xin vua phái hai viên Khoa đạo người nào hiền năng, công chính, vào Bình định để cùng làm việc. Đức hiến Tờ sai hai quan ngự sử là Đặng Quốc Lương và Mai Khắc Mẫn đi khám xét. Quốc Lương, Khắc Mẫn đến tỉnh liền dụ nhân dân, tùy việc mà sử đoán công

bằng. Từ đó, dân không di kiện nhau nữa. Khi hai quan Ngự sử về triều, vua tỏ lời khen ngợi lắm.

Tuy vậy, dân chỉ yên được lúc bấy giờ. Về sau tranh chiếm, nung nấu lại xảy ra. Tháng giêng năm Tự đức thứ tư, đức Dực Tôn phái Đặng Văn Thiêm, khi ấy làm Hình bộ thượng thư vào Bình định tra án các quan tỉnh dèm bác nhau, và kinh lý để xem dân gian lợi bệnh thế nào. Khi về phục mệnh, nhà vua hỏi về công điền, tự điền tại tỉnh Bình định sự thế ra sao. Đặng Văn Thiêm tâu rằng:

« Trước kia quân điền, cứ mỗi mười mẫu, năm mẫu đem sung công, năm mẫu để làm của tư. Các công điền mẫu mỡ, cường hào chiếm mất, có còn ít nào, lại vào tay hương lý cả. Dân nghèo chỉ còn được toà ruộng xấu. Vì thế cho nên tôi phải định lại khu vực cho rõ ràng để làm lợi cho dân. »

Tuy rằng dân nghèo được lợi nhiều trong khi thi hành phép quân điền, đức Dực Tôn vẫn tỏ vẻ không bằng lòng phương pháp ấy, vì sung công ruộng nương của người ta là một điều không công bằng. Từ khi chia lại ruộng đến bây giờ đã được hơn 12 năm rồi mà ngài còn có ý muốn đem ruộng giả lại các chủ như cũ. Tháng hai năm ấy, ngài hỏi hộ bộ thượng thư Hà dấy Phiên về công điền, tự điền các tỉnh, sự thế ra sao. Hà dấy Phiên tâu rằng:

« Tại Thừa thiên và Quảng trị, ruộng công nhiều hơn ruộng tư; ở Quảng bình, số ruộng công, ruộng tư đều nhau. Còn các hạt khác, ruộng tư nhiều mà ruộng công ít. Ở Bình định, ruộng công lại càng ít lắm. Vì thế cho nên trước kia Võ xuân Cẩn xin trích năm phần mười ruộng tư làm ruộng công, quân cấp cho lính cho dân, cho họ tự ngưỡn. »

Vua lại hỏi về thuế lệ. Hà dấy Phiên tâu rằng: « Từ Hà Tĩnh ra bắc, thuế ruộng công nặng hơn thuế ruộng tư; từ Quảng bình về Nam thuế hai thứ ruộng đều nhau. Vua dạy rằng: « Như thế thì chẳng lợi cho nước được bao nhiêu. Lấy ruộng tư làm ruộng công, ở các tỉnh không có thế, chỉ thi hành ở Bình định, không khỏi không công bằng. Bây giờ muốn đem ruộng giả lại chủ cũ thì thế nào là duy Phiên tâu rằng: « Đã đem cấp cho dân, nay lại lấy lại mà giả sợ đám dân không lấy gì làm sinh kế. » Ngài lại hỏi: « Hay là lấy 6 phần làm ruộng tư, 4 phần làm ruộng công, thì thế nào. Duy Phiên đáp rằng: « Như thế thì tăng giảm chẳng được bao nhiêu lại thêm nhiều việc phiền phức. »

(Xem tiếp trong

1) Võ xuân Cẩn, người huyện thủy tỉnh Quảng Bình, ra làm quan từ triều Gia Long, làm đến Đôn các đại học sĩ. Thái bảo, về triều. Mỗi tháng từ năm Tự đức thứ năm (1803), Vua sai lập bia ở làng quê: « 12 triều nguyên lão » và ban cho bổng.

HẠNH THỰC CA

(Tiếp theo trang 9)

Than ôi! họa phúc nghĩ bày!
Cũng vì phú quý hại người, thương thay!...
Quyền thần khinh mạn nhường này,
Có lời truyền trước, dám rầy cải sửa!
Vả cùng phụ-chính với nhau,
Trần-công chẳng thuận đem mưu giết liền!
Làm cho rõ mặt oai quyền,
Hân tình hiếp chế không kiểng đã rồi.

Vua Hiệp-hòa cầm quyền chính trong nước mới dựng bốn tháng (từ 30-7-1883 đến 30-11-1883), thì ở cửa Thuận-an đã thấy người Pháp quấy rối. Bấy giờ nước ta không có người rảnh sức trở lại, cho nên tuy thành lũy vững mà phải bỏ chạy. Vả lại không có người tiếp ứng, thì rồi cũng đến thất oan chết uổng mà chẳng ai hay! Khi con thuyền ra khơi như khói bay, thì một đoàn tướng sĩ của ta không có đường lui tới. Thương thay cho Lâm-Hoành và Trúc-Nhận, cùng đường nên phải liều thân, làm cho ai nghe tiếng cũng phải ngậm-ngùi! Trông sa-trường mà thương xót quan quân, tấm lòng vì nước rạo rực muốn đời. Có chỗ niềm-yếu thì đã mất rồi, cũng như nước vỡ thì bờ trôi, mà trời luôn cả đến cái bè đều ở bến! Bấy giờ thì ai là người đỡ, pháo xung xe? Thế là không có người chống- cự với Tây, cho nên phải chịu xin hòa! Vào ai là kẻ trượng-phu! Khi ấy thường ăn uống chẳng dạy cho họ dân bữa, đến lúc thấy cơ nguy-biến thì ngánh mặt làm thành, tai nghe giả dối lúc ấy mới biết là miếng bùm gan sứa! Cho nên đành xếp gáo bỏ tay, chịu ba mươi bảy khoản ở trong hòa-uớc! Chốn Kinh-dô từ đó đổi lại, việc nước thay đổi rồi mỗi ngày một suy-dồi. Nhưng mà mừng rằng bấy còn chú may, là được yên ổn đề kịp lo sửa-sửa việc nam-lang (tức là cả thành đám ma vua Tự-đức) ... bỗng đâu sinh chuyện đĩ-bình: bọn quyền-nam bằng kinh-nê, dám nói lung tại Vua (Hiệp-hòa) đem mệnh! Lại đề lỗi cho vua Hiệp-hòa vụng tin, không đề phòng trước, cho nên mất cửa Thuận-an! Khi nói với các đình-thần rằng: Vua Hiệp-hòa còn đang có khăn-chở không được lập ban châu. Than ôi! chưa dựng bao lâu, thế nào mà lại đổi lòng máu chóng như vậy! Lại nghe lời vu-hoặc đề thai-hậu (mẹ vua Tự-đức) quở-rách những phi-tầu ở Khâm-cung (noàng-hậu của

vua Tự-đức) rằng: « Nghe ai bày đặt ra mưu-kế trừ-khử quyền-thần »: sự cơ không cần-thận, hóa ra tai-vạ ngay! Đều là những sự trái-ngược. Không theo lẽ nghĩa thì hưởng phúc sao được lâu dài? Mà cái mầm tai-vạ cũng lại tự mình gây ra rất là mau chóng: hễ sinh-sự thì sự-sinh, chứ có phải tự trời đâu? Lòng dân bấy giờ đều nôn-nao: con vua mà lại làm vua tại ai cũng ưng như thế. Thừa cơ hội ấy, hai gã đại-thần, cũng mượn cơ mà nói rằng vì nước, chứ không phải vì thân, đồng lòng tôn lậpấu-quân, bày mưu phốt-lập, viết ra sớ-vấn đề tâu bày. Tính ra vừa bốn tháng mười ngày, mà cái lên đặt xuống, việc này ai ai? Các quan tể-tập cả ở ngoài, hai gã quyền-thần dâng sớ tâu rõ đầu đuôi, « đề lỗi rằng tại lòng ở chẳng như lời (ám-chỉ việc mưu khử quyền-thần) mà ngồi trên trăm cỗ xe thì ai chịu heo? Chúng tôi lo rằng nhà-nước sẽ nguy, nên phải lo toan trước. Ngai chịu theo phép nước mà nhường lại ngôi báu thì không ai dám can phạm đến mà đều được yên lành ». « — Nếu được như vậy thì còn nói gì nữa? Xin lại về chức tước cũ là may, và xin cứu lấy mẹ con » Thái hậu nghe lời cũng động lòng xót thương, phán rằng: « Sự ấy đề mặc ta, hễ có ý-chỉ truyền xuống thì ai là chẳng phải theo ». Văn-lãng-công (tức vua Hiệp-hòa) nghe nói, mừng lòng liền đem bầu- ấn trao trả triều-đình. Thái- hậu bèn xuống ý-chỉ rằng: « Các quan phụ-chính phải tuân theo lời già, sự này há phải tại người ta, dầu mà có lỗi cũng nên tha mới được, huống chi đã chịu phép phục tình, thì rộng dung cho ý đỡ toan tính-mạng trở về. Hai quan phụ-chính vâng lời, tâu rằng: « Đã có vớng trụ, mới ngày kíp ra ». Cả nhà đều sợ không dám dân dả, nào là hầu-thiếp, nào là đầu con, kéo nhau ra tới đầu thành. Tổ phủ ông Dự-đức, thì họ bắt liếp phai vớng vào đấy. Mẹ vua gạt gẫm thật là khéo thay! đã đề sẵn ghén thuốc độc, bắt phải chết tươi. Than ôi! họa phúc rồi đây, cũng vì phú quý làm hại người, đáng thương thay!... Bọn quyền thần thật là khinh-mạn quá chừng, đã có lệnh chỉ truyền như thế, mà họ cũng cứ cãi lời! Cả đến Trần công Tiến-Tân cùng là phụ-chính không thuận việc ấy, thì bọn quyền thần cũng lập mưu giết liền! Họ làm cho rõ mặt oai quyền, rõ ràng hiếp-chế, không kiểng nề gì ai!

(Còn nữa)

Ông-hoà NG-VĂN-TỔ

Một đoạn chuyện về mấy yếu nhân

VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

Số 2

NGÔ-VĂN-TRIỆP

— Nhưng sự đi sang có dễ không ?

Lúc thường thì, dễ lắm, đi lối Nam quan sang Quảng tây, Chỉ sợ lúc này có việc bắt bớ, chắc là biên giới chùn phải phòng thủ nghiêm ngặt hơn. Tuy nhiên định đi thì thể nào rồi cũng đi được.

— Có lẽ ngay ngày mai, chúng mình cứ đi xe lửa lên Lạng sơn tạm trú ở đấy rồi chờ dịp vượt qua biên giới,

Tôi cũng nghĩ thế.

Hai người cởi áo lên giường nằm. Rồi Kim Phụng nói :

— Bây giờ tôi mới nói thật với anh. Từ lúc cùng anh Doãn ra đi, ra đến đầu làng, dưới bóng đêm mịt mù, tôi có cảm tưởng là các anh định đem tôi đi để giết, cảm tưởng ấy đến với tôi lần thứ nhất là lúc tôi với anh Doãn đi qua cạnh cái vau chỉ um tùm ở đầu làng tôi, tôi tưởng hình như sẽ có những viên đạn rơi trong bụi rậm bay ra để kết liễu tính mệnh của mình. Rồi từ đấy đi, bất cứ ở một quãng đường quanh vắng nào, tôi đều có cái cảm giác ấy. Nhưng suốt dọc đường tôi đã được yên ổn, tôi lại nghĩ có lẽ việc ấy, sẽ xảy ra khi đã gặp anh. Lúc anh Doãn xuống xe trước, đứng

nói chuyện nhỏ với anh, tôi nghĩ trong bụng, hẳn là họ bàn việc ấy đấy, rồi bèn đi ra một chỗ xa đứng chờ, có ý để các anh được tự do bàn tính việc hạ độc thủ. Thế ra sự tôi phỏng đoán đều sai hết.

Học võ vào vai Kim Phụng cười khúc khích :

— Khỉ ! sao lại nghĩ vớ vẩn thế ? Có gì chúng tôi lại giết anh ?

— Giết cũng có lẽ chứ. Vì nhà tôi có những tang vật, họa nhỡ chúng đánh đau quá mà tôi phải đại đột khai ra.

— Ừ cũng có lý. Thế anh không sợ chết hay sao mà đã có nghĩ thế lại còn dám theo Doãn ?

— Chết kệ thì ai cũng sợ, nhưng cũng có khi không sợ được. Như tôi lúc này, tôi sợ sự tra tấn của bọn giặc Pháp hơn là sợ cái chết, hơn nữa, sợ sự không kiên gan của mình rồi khai bậy làm hại anh em.

— Thôi đi , thế thì anh cứ việc sang Tàu là xong. Mà tôi đưa anh đi.

— Thế anh có đi không ?

— Không, tôi phải ở lại để làm việc đảng chứ. Và lại họ ở ở, chúng nó có lệnh bắt bớ gì tôi đâu mà tôi phải đi.

Hai người nói chuyện mãi đến khuya mới bắt đầu chợp ngủ.

Nhưng chỉ chốc lát thì ở buồng bên cạnh, có cuộc bù khú của ba ba gái làm huyên não quá, khiến không thể nào ngủ được. Bộ ba ấy là hai chàng con trai với một con bẻm, chúng xem nhau lại mà cười hương cợt phồn ghẹo nguyệt trời hoa Mãi đến chừng 2,3 giờ sáng, anh học quý kia không làm huyên não nữa, thì buồng bên này, Thái Học à Kim Phụng mới ngủ đi được.

Sáng hôm sau, Kim-Phụng dậy sớm, đánh thức Thái-Học. Học dậy rửa mặt mũi, mặc quần áo, dẫn Kim-Phụng ở buồng để mình đi vắng này một lúc. Chờng độ một giờ trở về Học bảo với Phụng rằng :

— Xem tình hình lúc này chưa thể đi được, vì ở bên giới, nó phòng bị nghiêm lắm. Tôi định hãy tìm một chỗ nào để anh tạm trú đợi đến lúc có thể đi được chắc chắn, bây giờ hãy đi.

Kim-Phụng ngần ngừ :

— Thế thì bây giờ lên Lạng có được không ?

— Không được, lên Lạng bây giờ tức là đâm vào lưới.

Học bảo chủ quán dọn cơm hai anh em ăn, ăn xong thì lên lầu quán rồi cùng nhau đi bộ lên ga Yên-viên, vì không muốn đi xe lửa ở ga Gia-lâm là chỗ dễ lọt vào tay

mắt của bọn mặt thám. Trong khi đi bộ, Phương hỏi Học định đưa mình đi đâu; Học phân vân, bảo bảo cứ đi rồi sẽ liệu dần.

Đến ga Yên-viên, Họ: quyết định lấy vé lên ga Bạch-hạc. Buổi chiều đến Bạch-hạc, hai người cùng vào nhà một bạn đồng-chí là lý-trưởng Tôn (1) người làng Diêm-xuân. Ngủ ở đây một đêm, sáng hôm sau ra bến sông Lô, ngược lên bến Bạch-lưu.

Từ hôm nay u ám cả ngày, mây đen đồng không, khiến cho khí hậu lạnh lẽo không nhà, bị dễ xuống. Một nột nổi buồn nặng trĩu. Hai người cùng ngồi đợi ở giữa khoang thuyền, bàn nói về việc đảng việc nước và đều lo buồn cho số phận của các anh em đồng chí, hiện bị bắt giam trong ngục-tất Hỏa-lò. Trời về chiều, hai người cùng ra đứng đầu thuyền, ngắm nước trôi chảy mây, thuyền càng đi lên, càng thấy như đi xuên sâu vào một cảnh địa núi rừng lam chướng vì nhũng dải núi xanh u ám, đang sừng sững lên ở trước mắt. Học bảo Phương:

— Cảnh này tình này mà sao anh không làm thơ, một bài hơ? Giả có anh Tiêm cùng đi đây, anh Ty đã có thơ ngay rồi.

Phương nói:

— Anh cũng thích thơ à? vậy à, tôi làm một bài chơi.

Sau một lúc, Phương đọc một bài luật thì, Học lấy bút chì viết lấy và cũng khen có nhiều câu được. Bài thơ rằng:

*Dòng nước xanh xanh ngất
một màu,*

*Con thuyền trôi nổi, khách về
đâu?*

*Non sông bốn mặt âm thầm tối,
Hoa cỏ ba xuân âm đạm sâu.
Lặng dần gan chưa dờn chất đá,
Dãi dầu mặt đã nhuộm da nâu.
Thế gian lắm sự bất bình nhĩ,
Muốn đao trời kia xuống vực sâu.*

Có lúc Phương hỏi về chuyện gia đình. Học kể mình đã có vợ ở nhà quê, nhưng lại đã tuyên bố ly dị với người ấy vì người ấy cùng mình tính tình không hợp. Học lại nói:

— Bây giờ theo đuổi việc đảng, tôi không muốn vướng cái lụy gia đình nữa. Nhưng giả có ngày cần lấy vợ thì tôi sẽ lấy cô Xuyên

Phương hỏi:

— Cô Xuyên nào?

— Cô Xuyên ở Hà-nội, người tuy không đẹp lắm nhưng dễ yêu lắm.

Học có nói nhà Xuyên ở phố Phúc-kiến hay ở phố Hàng Áo gì đó nhưng ký-giả nhãng quên đi mất. Bây giờ trong lòng Học chưa có cô Gang, vì sau mấy tháng nữa, hai người mới vì việc đảng mà luôn luôn giao thiệp rồi bắt đầu xây một mối tình yên, cũng như mối tình ở giữa hai nhà cách mệnh Trung-quốc là Uông-tinh-Vệ cùng Trần-Bích-Quán vậy. Trong quyển « Nguyễn-Thái-Học » của Nguyễn-Tổng, ở trang 73, có nói « Học với Xuyên chỉ là một người », vậy trong khi bàn luận việc đảng, muốn tránh tai mắt bọn chó săn chim mồi Học có lúc mang cái tên giả là Xuyên, có lẽ chính đề kỷ niệm mối tình cũ ở trong lòng Học.

Trời vừa tối, con thuyền đỗ lại ở cái bến thuộc làng Bạch-lưu, hai người lên bến rồi đi qua một cái chợ nhỏ, lần theo lối xóm mà vào nhà giáo Giản. Giáo Giản là người mà đến năm sau, đảng giao cho việc chỉ huy đánh miền Kiến-an và Hải-phòng, rồi khi thất bại chạy trốn sang Vân-nam. Bọn Pháp truy tìm ráo riết mà không được. Bây giờ Giản làm giáo-học trường công, dạy ở trường làng Bạch-lưu thuộc huyện Lập-thạch tỉnh Vĩnh-yên. Làng này đã bắt đầu có rừng, những quả đồi lồi lõm quanh làng, mọc lên những cây cối um tùm rậm rạp. Rồi từ đây càng đi ngược lên, tức là càng đi sâu vào khu rừng núi ở châu Sơn-Dương tỉnh Tuyên-quang. Ở nhà giáo Giản một đêm, sáng hôm sau, ngày 21 tháng 2 (12 tháng giêng Kỷ ty), Học rủ cả Giản cùng đi, đưa Kim-Phượng lên làng Lương-phao, định gửi ở đây. Lương-phao là một cái làng ở giữa rừng sâu, thuộc về châu Sơn-Dương. Tại đây có ông cụ Tổng, cũng người làng Thổ-tang, quê của Thái-Học, mà hình như cũng có họ hàng gì với Học nữa. Thiên cư lên đã mấy mươi năm, cây cối đã ăn sâu, trở nên già cỗi, nhưng không phải là người trong đảng. Đến nơi, ông cụ tiếp dẫn ăn cần lắm, sai người nhà làm cơm. Bọn Học muốn đi bán, ông cụ đưa cho một cây súng hỏa-mai. Mỗi lần bán, lại phải quay ngựa miệng súng đề nhốt thuốc và ấn giấy vào. Ba người đi vào rừng, đến một lạch suối. Học và Giản vì chân đều đi giày tây lợi

qua lại nhiều phải tháo giầy. Lớn bảo Phương trụt giầy ta để hai người xách rồi công hai người sang suối. Qua suối ấy đến một thung lũng có nhiều chim lắm, song giở thuốc súng ra thì thuốc âm vọt, không bắn được. Bèn cùng nhau đi chơi len lỏi, cựa mổ chỗ, trong khằng cây rồi um tùm họ bảo có mồi gì giống như mứt cốp, ba người vội dắt nhau rảo bước quay ra.

Về nhà ông Tổng ăn bữa cơm rừng xong, Học đòi ý nghĩ, là rủ cả Giản Phương cùng về. Ra đến ngoài đường, Học nói:

— Đề anh Phương ở trong này không tiện vì sâu thẳm quá, tin tức, báo động, chẳng bằng cứ về ở tại nhà anh Giản là xong. Có được không anh Giản?

Giản nói:

— Ở tam ít ngày thì cũng được có đến ở lâu thì sợ rằng chỗ tôi cũng kì trống trải.

Học nói:

— Phải cũng chỉ ở tam thôi mà, rồi tới phải liệu cho anh ấy đi Tàu.

Về phần Phương thì nghĩ giá phải ở lại Lương-pháo thật xứng là kì cực, vì đây ở sâu trong rừng thẳm, ra đến cửa rừng phải đi quanh co đến chừng 5 cây số, là một nơi cách tuyệt nhứt-hoàn. Nhưng cái nơi cách tuyệt nhứt-hoàn ấy lại chẳng phải là cảnh tiên thanh sạch mà là một cảnh cực nhóp nhơ. Cái sơn-thôn này người ta nuôi rất nhiều trâu bò, mỗi nhà nuôi đến hàng chục con trở lên, vì thế khắp đường lối trong xóm, tràn ngập những phân của loài này, chỗ sâu đến cổ chân,

Nhân dịp hai tỉnh Hà nội và Hải-phòng ở Bắc bộ được thu hồi thật là việc đáng ghi trong lịch sử Việt-nam chúng tôi đang sửa soạn ấn hành hai số đặc san:

Hà nội cũ Hà nội mới

Hải phòng cũ Hải phòng mới

Vậy các văn hữu cùng quý độc giả có tài liệu và ý kiến gì xin gửi cho tòa báo đề tện việc sửa soạn bài vở.

T. T.

chỗ nông rừng phải đến mắt cá vì bầu thiu như thế cho nên làm ruồi làm muỗi và mùi hôi hám đưa lên cả khu vực Phương nghĩ bụng không biết mình vội vã đến đây mà phải dấn vào cảnh giới này. Lúc được Học rủ cùng về Phương có cảm tưởng như một người trọng tử được tước xá.

Về đến nhà Giản vào lúc gần tối thì thấy Xứ Nhu cũng vừa mới lên đây lúc chiều. Xứ Nhu đi việc đang ở vùng Vĩnh Yên, nghe tin Thái Học lên đây, bèn cũng lên theo để gặp mà bàn luận việc đảng.

Ngày hôm sau, Giáo dẫn dẫn mọi người đi săn bắt bốn người theo với hai cây súng, ra các khu đồi ở quanh làng Song các khu đồi này, chẳng có giống chim muông gì mà bắn cho bổ công, muông thì tuyệt nhiên không có mà chim thì toàn là những giống chim nhỏ, không đáng hạ sát. Anh em không gặp được cái gì dễ bắn, bèn bàn nhau khai súng bắn vào một cây cọ giữa rừng. Bắn xong lại cùng nhau đi chơi phết nãi mới về. Trong khi về, Thái Học lại bảo mọi người làm thơ chơi, nay không quên làm nhưng ông tỏ ra một người yếu thơ lắm. Trọng Bọn có hai người ứng mệnh, Xứ

Nhu làm một bài 8 câu, Sơn Phương làm một bài 4 câu

Bài của Xứ Nhu, kỳ gả không nhớ được toàn, chỉ nhớ hai câu cuối sau này:

Vấn định ra tay săn cốp sỏi,
Phải rằng đề ý bắt hươu nai.

Bài của Kim Phương:

Lặn dạn đường rừng vác súng đi,
Chim muông săn chẳng được con gì.

Mình đến có kẻ săn mình nữa,
Lưới bầy chằng dầy ở tứ vi.

Hôm về về nhà giáo Giản, tiếp được tin báo là Thái Học và Xứ Nhu đều đã bị bọn gạc Pháp ra lệnh tầm-nã rồi, cuộc Lật bớ-bùng càng mở rộng mãi ra, các anh em đồng chí đã nhều người, sa vào lưới. Tin ấy làm cho mọi người đều rần rần không yên lòng. Cái tương lai của đảng; sắp giờ sau, tiêu bờ sỏi; Lỗ ở một cuộc chia tay vội vã, rồi mặt lại như lãnh tụ, đều đội một vẻ buồn sầu của những người lo tí h v e đời.

NGO-ẤN-TRIỆM

1) Sau việc khởi nghĩa năm Canh ngọ (1903), lý Tiên phai bắt rồi bị khảo đánh chết ở ngục Vĩnh-giễn.

PHÉP QUÂN ĐIỀN

(Tiếp theo trang 15)

Vua vẫn muốn sửa đổi lại chế độ ấy nên ngài sai bộ hộ và bộ binh hội nghị làm thế nào cho binh dân đều được lợi cả. Hà d. y Phèo và Ng. yễn đăng Giai đều xin cử đề như cũ. Ngài bèn r. ghe leo đến ấy. Từ bấy đến nay, không thấy có sự thay đổi nữa.

Ta thấy rằng muốn cho dân nghèo có đất cấy cấy mà sinh nhai, cho sự gần gũi với khối chính quyền quá đỗi Minh mệnh đã cho thành lập một phi cơ, lập đạo đoàn với các chủ ruộng, phương pháp pháp đến quy ước sở hữu của các người ấy. Tuy năm Minh mệnh thứ tám đã có biểu dụ bồi thường cho những chủ ruộng, đất, khi ruộng bị tịch thu để làm những việc công ích.

Dụ ấy chỉ thi hành khi đã đất làm ruộng xong, để điều mà thôi. Trong lúc quân đến này, các chủ ruộng không được chút gì bồi thường. Dân nghèo thời được lợi thế. Họ có ruộng cấy, ngoài thuế ruộng nộp cho nhà nước, họ không phải mất tiền thuê hay chia hoa lợi với chủ ruộng. Nhưng có một điều không công bằng cho lắm là chế độ này chỉ thực hiện ở một tỉnh Bình Định mà thôi, còn không thấy ở các tỉnh khác.

Lại nên nhớ rằng phương pháp quân điền này xuất hiện lần đầu ở nước ta từ năm 1010, còn ở Âu châu, những phương pháp giống thế mới được áp dụng chưa đầy ba mươi năm nay.

Tỉnh-phong NGUYỄN TOẠI

Nước nhà đã được giải-phóng

Quốc-dân nên dùng lịch giải-phóng

LỊCH VIỆT-NAM

năm Bính-tuất (1946-47)

LONG-ĐIỀN biên tập

- Lịch Việt-nam lấy ngày ta làm chủ, có phụ thêm ngày dương lịch.
- Lịch Việt-nam có in các ngày lịch-sử.
- Lần này có 13 tháng từ 28-1 Ất-dậu (1-1-46) đến 30-12 Bính-tuất (21-1-47).

Giá mỗi tập... 12 \$ 00

- Các nhà thương-mại, kỹ-nghệ muốn đặt nhiều, có in tên hiệu, xin mời lại 95 phố Chancéaulme Hà-nội thương-lượng.
- Lịch in có hạn, xin mau mau đặt trước.

TY XUẤT-BẢN TRI-TÂN
kinh-cáo

TẠP-CHI VĂN-HÓA: Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý

Văn-Trường-Phượng

Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chancéaulme, Hà-nội